



BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC

Danh mục văn bản quy phạm pháp luật

do Thủ tướng Chính phủ ban hành chưa đề xuất bãi bỏ trong năm 2023

(Kèm theo Tờ trình số 80 ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tư pháp)

Tổng số: 15 Quyết định

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì, phối hợp tham mưu ban hành văn bản		Ghi chú
				Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
1	Quyết định số 118-TTg ngày 27 tháng 02 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở	Trong quá trình lấy ý kiến góp ý Quyết định bãi bỏ văn bản QPPL do Thủ tướng Chính phủ ban hành (năm 2022), Bộ Xây dựng đã có ý kiến đề xuất bãi bỏ văn bản này (Công văn số 3937/BXD-PC ngày 06/9/2022): - Quyết định này có căn cứ pháp lý ban hành là Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 1995. Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 1995 đã hết hiệu lực, được thay thế bởi Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2005; Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2005	Bộ Xây dựng	- Bộ Xây dựng - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường		- Tài thời điểm văn bản được ban hành, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 1996 (có hiệu lực ngày 01/01/1997) chưa được ban hành, do đó, chưa có cơ sở xác định văn bản này là văn bản hành chính hay văn bản quy pháp luật. Tuy nhiên, Quyết

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì, phối hợp tham mưu ban hành văn bản	Ghi chú
		<p>(được sửa đổi, bổ sung năm 2012) đã hết hiệu lực, được thay thế bởi Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020 (có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2021).</p> <p>- Theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020 thì <i>Chính phủ có trách nhiệm ban hành quy định về chế độ hỗ trợ cải thiện nhà ở đối với người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng</i> (không giao Thủ tướng Chính phủ quy định như Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 1995, năm 2005).</p> <p>- Ngày 30/12/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 131/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (<i>có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2022</i>). Theo đó, tại mục 6, mục 7 Chương III Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đã quy định về chính sách hỗ trợ cải thiện nhà ở; miễn hoặc giảm tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở khi Nhà nước giao đất ở, chuyển mục</p>		<p>Cơ quan chủ trì, phối hợp bản</p> <p>Cơ quan chủ trì</p> <p>Cơ quan phối hợp</p>	<p>định số 118-TTg đã được sửa đổi, bổ sung bởi văn bản quy phạm pháp luật là Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 118/TTg ngày 27 tháng 02 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở và Điều 3 Quyết định số 20/2000/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người hoạt động cách mạng từ trước Cách mạng tháng Tám năm</p>

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì, phối hợp tham mưu ban hành văn bản	Ghi chú
				<div data-bbox="379 629 480 824">Cơ quan chủ trì</div> <div data-bbox="379 439 480 629">Cơ quan phối hợp</div>	
		<p>giúp đỡ Cách mạng ngày 29/8/1994 và Nghị định số 28/CP ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh hết hiệu lực thi hành.</p> <p>Chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở được quy định tại Mục 6 Chương III Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.</p>			Công văn số 3620/VPCP-PL (mật) dẫn lời của Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang (về việc cho ý kiến đối với Báo cáo số 471/BC-BTP.m ngày 22/9/2023 Bộ Tư pháp) không thấy có ý kiến đối với việc bãi bỏ Quyết định số 118-TTg, do đó, Bộ Tư pháp chưa đưa văn bản này vào đề xuất Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ trong năm 2023.
		<p>Ý kiến của Bộ Tài chính (tại Công văn số 4632/BTC-PC ngày 10/5/2023 của Bộ Tài chính về việc rà soát, xử lý hiệu lực văn bản QPPL của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ): Nhất trí với đề nghị bãi bỏ văn bản này.) Đối với Quyết định số 118/TTg ngày 27 tháng 02 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở và Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 118/TTg ngày 27 tháng 02 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở và Điều 3 Quyết định số</p>			

STT	Tên văn bản	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì, phối hợp tham mưu ban hành văn bản	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
2	<p>Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23</p> <p>20/2000/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người hoạt động cách mạng từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 cải thiện nhà ở. Vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ pháp lý của 02 Quyết định trên đã hết hiệu lực. - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/11/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2022 đã quy định đầy đủ các chính sách hỗ trợ như trong 02 Quyết định trên. Theo quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì các quy định của Nghị định số 131/2021/NĐ-CP hiện đang được áp dụng vì là văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau, quy định cùng một vấn đề. 	UBND tỉnh Lạng	- Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Lao động - Thương binh và Xã	- Việc bãi bỏ văn bản này sẽ tạo ra khoảng trống về pháp lý.

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì, phối hợp tham mưu ban hành văn bản	Cơ sở	
	<p>tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập</p>	<p>văn bản này (Công văn số 972/UBND-THNC ngày 11/8/2022).</p> <p><u>Ý kiến của Bộ Tài chính</u> tại Công văn số 4632/BTC-PC ngày 10/5/2023 của Bộ Tài chính về việc rà soát, xử lý hiệu lực văn bản QPPL của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ): Nhất trí đối với đề nghị bãi bỏ, Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập. Vì: Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg đã được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/07/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.</p> <p><u>Ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo</u> (tại Công văn số 1214/BDDT-PC ngày 22/03/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc rà soát xử lý hiệu lực văn bản QPPL thuộc thẩm quyền Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ):</p> <p>Bộ Giáo dục và Đào tạo không đồng ý bãi bỏ tại Công văn số 1214 ngày 22/3/2023 (Lý do:</p>	Sơn	<p>- Bộ Tài chính</p>	<p>hội</p>	<p>- Việc bãi bỏ Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập. Vì: Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg đã được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/07/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.</p>

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan chủ trì, phối hợp tham mưu ban hành văn bản	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan
3	Quyết định số 57/2002/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển ngành thể dục, thể thao đến năm 2010	<p>Ngày 17/7/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 84/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục. Tại khoản 3 Điều 11 Nghị định này bãi bỏ các quy định về học bổng khuyến khích học tập và học bổng chính sách tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg. Như vậy, Nghị định số 84/2020/NĐ-CP chỉ bãi bỏ về học bổng khuyến khích học tập và học bổng chính sách. Các nội dung về trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập vẫn có hiệu lực và hiện nay vẫn được áp dụng.)</p>	<p>Đối với hệ thống pháp luật: Quyết định số 57/2002/QĐ-TTg không còn phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>Đối với tình hình kinh tế - xã hội hiện nay: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản phát triển thể dục thể thao trong giai đoạn mới như: Quyết định số 2198/QĐ-TTg ngày</p>	<p>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư</p>	<p>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p>	<p>Quyết định số 57/2002/QĐ-TTg do Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (trước đây là Ủy ban Thể dục Thể thao) trình Thủ tướng Chính phủ ban hành. Hiện nay, việc bãi bỏ văn bản này mới nhận được ý kiến nhất trí của Bộ Văn hóa, Thể</p>

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì	Cơ quan tham mưu ban hành văn bản	Ghi chú
4	Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc	<p>03/12/20210 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục thể thao đến năm 2020, Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 18/4/2019 phê duyệt quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2021, định hướng đến năm 2030. Hiện nay, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang xây dựng Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030 phù hợp với thực tế và yêu cầu phát triển đất nước và tình hình quốc tế trong giai đoạn mới.</p> <p>Các quy định tại Quyết định số 57/2002/QĐ-TTg đã lỗi thời, lạc hậu, không còn phù hợp với tình hình thực tế.</p>	- UBND tỉnh Tuyên Quang	Bộ Y tế	- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính	<p>thao và Du lịch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa có ý kiến. Do đó, Bộ Tư pháp không đưa văn bản này vào đề xuất Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ trong năm 2023.</p> <p>Việc bãi bỏ văn bản này có thể tạo ra khoảng trống về pháp lý. Bởi vì, có thể trên địa bàn cả nước vẫn còn có địa phương đang còn tồn tại Quỹ hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh. Ngoài ra, văn</p>

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì phối hợp tham mưu ban hành văn bản	Cơ quan phối hợp	Chức năng
	<p>khám, chữa bệnh cho người nghèo</p>	<p>2009 quy định:</p> <p>“Điều 89. Quỹ hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh xã hội, từ thiện được thành lập và hoạt động để hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn hoặc không có khả năng chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh và các hoạt động khác phục vụ cho công tác khám bệnh, chữa bệnh.</p> <p>2. Nguồn tài chính của Quỹ được hình thành trên cơ sở đóng góp tự nguyện, tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; việc thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý quỹ hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh được thực hiện theo quy định của pháp luật”.</p> <p>Điều 3, Điều 4 Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về khám, chữa bệnh cho người nghèo (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg), đang còn hiệu lực thi hành, quy định:</p> <p>“Điều 3. Nguồn tài chính Quỹ khám, chữa</p>		<p>- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Ngoại giao - Ủy ban Dân tộc</p>	<p>bản này không thuộc trường hợp bãi bỏ văn bản thuộc phạm vi của Nghị quyết số 23/NQ-CP ngày 08/4/2018 của Chính phủ. Trường hợp văn bản cần bãi bỏ, đề nghị Bộ Y tế rà soát và đánh giá tổng thể quá trình thực hiện văn bản để có đề xuất xử lý văn bản theo quy trình ban hành văn bản thông thường quy định tại Luật Ban hành văn bản QPPL.</p>	

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì, phối hợp tham mưu ban hành văn bản	Ghi chú		
				<table border="1"> <tr> <td data-bbox="363 651 483 846">Cơ quan chủ trì</td> <td data-bbox="363 461 483 651">Cơ quan phối hợp</td> </tr> </table>	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp						
		<p>bệnh cho người nghèo</p> <p>1. Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo là Quỹ của Nhà nước, hoạt động theo nguyên tắc không vì lợi nhuận, bảo toàn và phát triển nguồn vốn, được hình thành từ các nguồn sau:</p> <p>a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo để thực hiện các chế độ quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 4 Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.</p> <p>b) Đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài. c) Các nguồn tài chính hợp pháp khác.</p> <p>2. Quỹ được mở tài khoản tại hệ thống kho bạc Nhà nước.</p> <p>Điều 4. Các chế độ hỗ trợ:</p> <p>3 Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức, quản lý và sử dụng Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo theo quy định sau:</p> <p>1. Hỗ trợ tiền ăn cho các đối tượng thuộc</p>					

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì, phối hợp tham mưu, đại hành văn bản	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan
		<p>Khoản 1 và 2 Điều 2 Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg khi điều trị nội trú tại các cơ sở y tế của Nhà nước từ tuyến huyện trở lên với mức tối thiểu 3% mức lương tối thiểu chung/người bệnh/ngày.</p> <p>2. Hỗ trợ tiền đi lại từ nhà đến bệnh viện, từ bệnh viện về nhà và chuyển bệnh viện cho các đối tượng thuộc khoản 1 và 2 Điều 2 Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg khi điều trị nội trú tại các cơ sở y tế của Nhà nước từ tuyến huyện trở lên, các trường hợp cấp cứu, tử vong hoặc bệnh quá nặng và người nhà có nguyện vọng đưa về nhà nhưng không được bảo hiểm y tế hỗ trợ.</p> <p>a) Trường hợp sử dụng phương tiện vận chuyển của cơ sở y tế Nhà nước: Thanh toán chi phí vận chuyển cả chiều đi và về cho cơ sở y tế chuyển người bệnh theo mức bằng 0,2 lít xăng/km theo khoảng cách vận chuyển và giá xăng tại thời điểm sử dụng và các chi phí cầu, phà, phí đường bộ khác (nếu có). Nếu có nhiều hơn một người bệnh cùng được vận chuyển trên một phương tiện thì mức thanh toán chỉ được</p>					

STT	Tên yán bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì, phối hợp tham mưu ban hành yán bản	Chức vụ
				<div data-bbox="368 450 475 837">Cơ quan chủ trì</div> <div data-bbox="368 613 475 674">Cơ quan phối hợp</div>	
		<p>tính như đối với vận chuyển một người bệnh.</p> <p>b) Trường hợp không sử dụng phương tiện vận chuyển của cơ sở y tế Nhà nước: Thanh toán chi phí vận chuyển một chiều đi cho người bệnh theo mức bằng 0,2 lít xăng/km cho một chiều đi tính theo khoảng cách vận cữu yển và giá xăng tại thời điểm sử dụng. Cơ sở y tế chỉ định chuyển bệnh nhân thanh toán chi phí vận chuyển cho người bệnh, sau đó thanh toán với Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo.</p> <p>3. Hỗ trợ một phần chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế mà các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg phải đồng chi trả theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và các văn bản hướng dẫn Luật đối với phần người bệnh phải đồng chi trả từ 100.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Hỗ trợ thanh toán một phần chi phí khám bệnh, chữa bệnh của các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 2 Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg đối với phần người bệnh phải chi trả cho cơ sở y tế của Nhà nước từ 1 triệu đồng trở lên cho</p>			

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan chủ trì phối hợp tham mưu ban hành văn bản	Cơ quan chủ trì phối hợp	Cơ quan
	<p>một đợt khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp không có bảo hiểm y tế; nếu có bảo hiểm y tế thì hỗ trợ như khoản 3 Điều 4 Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg”.</p> <p>Căn cứ các quy định nêu trên, Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang nhận thấy “Quy chế trợ khám bệnh, chữa bệnh” quy định tại Luật khám chữa bệnh năm 2009 và “Quy chế khám, chữa bệnh cho người nghèo” quy định tại Điều 3 Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg) có tên gọi khác nhau. Theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg), nguồn tài chính của Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo, gồm: Ngân sách nhà nước hỗ trợ Quỹ và đóng góp của các tổ chức, cá nhân và nguồn tài chính hợp pháp khác.</p> <p>Tuy nhiên, khoản 11 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định: “Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. ...”;</p>		Cơ quan chủ trì phối hợp tham mưu ban hành văn bản	Cơ quan chủ trì phối hợp	Cơ quan

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì, phối hợp tham mưu ban hành văn bản	Cơ quan chủ trì, phối hợp
		<p>Thực tế không có nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ Quỹ; nguồn đóng góp của các tổ chức, cá nhân và nguồn tài chính hợp pháp khác không ổn định. Do đó, đề nghị bãi bỏ Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về khám, chữa bệnh cho người nghèo và Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về khám, chữa bệnh cho người nghèo.</p> <p><u>Ý kiến của Bộ Y tế</u> (Công văn 2686/BYT-PC ngày 08/5/2023 của Bộ Y tế về việc rà soát, đề xuất bãi bỏ văn bản QPPL của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ): Nhất trí với đề xuất của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang đã có ý kiến đề xuất bãi bỏ văn bản này (Công văn số 965/STP-XDKTTHPL&PBGDPL ngày 11/8/2022 kèm theo Công văn số 357/BTP-KTrVB). Tuy nhiên, cần có quy định chuyển tiếp đối với nguồn quỹ còn lại sau khi bãi bỏ.</p>		<p>Cơ quan chủ trì</p> <p>Cơ quan phối hợp</p>	

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan chủ trì phối hợp thẩm định ban hành văn bản	Cơ quan chủ trì phối hợp	Chỉ số
		<p><u>Ý kiến thành viên Tổ biên tập là đại diện của Ủy ban dân tộc:</u> Về bài bỏ Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc khám, chữa bệnh cho người nghèo (STT-9); và Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về khám, chữa bệnh cho người nghèo (STT-22):</p> <p>- Hiện nay, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vẫn là "lời nghèo của cả nước". Thu nhập bình quân đầu người của người dân tộc thiểu số chỉ bằng khoảng 30% so với bình quân chung cả nước. Dân số dân tộc thiểu số chiếm 14,68% dân số cả nước nhưng chiếm đến 52,66% hộ nghèo của cả nước. Một số nhóm dân tộc thiểu số có tỷ lệ hộ nghèo đang ở mức rất cao lên đến 70 - 80% như: Ô Đu, Co, Khor Mú, Xinh Mun, La Ha, Kháng, Mông và Xơ Đăng...; có 17 tỉnh có thu ngân sách trên địa bàn thấp, tỷ lệ tự cân đối ngân sách dưới 30% đều là các tỉnh có đồng đồng bào dân tộc thiểu số (> 30% dân số), có tỷ lệ hộ nghèo cao, kinh tế chậm phát triển và</p>			

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì, phối hợp tham mưu ban hành văn bản	Ghi chú
				<div data-bbox="375 649 462 840">Cơ quan chủ trì</div> <div data-bbox="375 448 462 649">Cơ quan phối hợp</div>	
		<p>còn rất khó khăn.</p> <p>- Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Bảo hiểm y tế năm 2014 và Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 và Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số Điều của Luật Bảo hiểm y tế, về cơ bản, các đối tượng quy định tại Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg đã được ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ mức đóng Bảo hiểm y tế tùy theo tình đối tượng và được Quỹ Bảo hiểm y tế thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và một số trường hợp được chi phí chuyên tuyến. Tuy nhiên, hiện nay chi phí khám chữa bệnh vẫn chưa được Quỹ Bảo hiểm y tế thanh toán.</p> <p>- Để tiếp tục bảo đảm thực hiện các chính sách an sinh xã hội, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cần phải lập phương án trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ khám, chữa bệnh đối với một số đối tượng theo thẩm quyền dựa theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi</p>			

<p>SITG Tân Văn Đám</p>	<p>Lý do bãi bỏ</p>	<p>Cơ quan quản đề xuất</p>	<p>Cơ quan chủ trì phối hợp đảm nhiệm ban hành văn bản</p>	<p>Cơ quan chủ trì</p>	<p>Cơ sở dữ liệu</p>
<p>5</p>	<p>Quyết định số 131/2009/QĐ- TTg ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Thủ</p> <p>hành Luật Ngân sách Nhà nước, quy định <i>Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.</i> Do đó, mức hỗ trợ do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách của địa phương. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ do ngân sách địa phương tự bảo đảm.</p> <p><i>Từ những lý do trên, đại diện Ủy ban Dân tộc đề nghị không bãi bỏ 02 Quyết định này.</i></p>	<p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông</p>	<p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>	<p>- Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Giáo</p>	<p>Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo sát tiến độ ban hành Nghị định về cấp nước sinh hoạt nông thôn.</p>

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì, phối hợp tham mưu ban hành văn bản	Chỉ chủ
	<p>Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn</p>	<p>131/2009/QĐ-TTg ra khỏi dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, vì: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định cấp nước sinh hoạt nông thôn trong năm 2022. Trong dự thảo Nghị định có một số điều, khoản quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trong cấp nước sạch nông thôn. Vì vậy, Bộ sẽ đề xuất bãi bỏ Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg khi Nghị định nước sạch được ban hành.”</p>	thôn	<p>đục và Đào tạo - Bộ Y tế - Bộ Xây dựng - Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>	
6	<p>Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15</p>	<p><u>Ý kiến thành viên Tổ biên tập là đại diện của Ủy ban dân tộc:</u> Về bãi bỏ Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc khám, chữa bệnh cho người nghèo (STT-9); và Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về khám, chữa bệnh cho người nghèo (STT-22):</p> <p>- Hiện nay, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vẫn là “lõi nghèo của cả nước”:</p>	UBND tỉnh Tuyên Quang	Bộ Y tế	

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Chỉ định
	tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về khám, chữa bệnh cho người nghèo	<p>Thu nhập bình quân đầu người của người dân tộc thiểu số chỉ bằng khoảng 30% so với bình quân chung cả nước. Dân số dân tộc thiểu số chiếm 14,68% dân số cả nước nhưng chiếm đến 52,66% hộ nghèo của cả nước. Một số nhóm dân tộc thiểu số có tỷ lệ hộ nghèo đang ở mức rất cao lên đến 70 - 80% như: Ô Đu, Co, Khor Mú, Xinh Mun, La Ha, Kháng, Mông và Xơ Đăng...; có 17 tỉnh' có thu ngân sách trên địa bàn thấp, tỷ lệ tự cân đối ngân sách dưới 30% đều là các tỉnh có đông đồng bào dân tộc thiểu số (> 30% dân số), có tỷ lệ hộ nghèo cao, kinh tế chậm phát triển và còn rất khó khăn.</p> <p>- Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Bảo hiểm y tế năm 2014 và Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 và Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số Điều của Luật Bảo hiểm y tế, về cơ bản, các đối tượng quy định tại Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg đã được ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ mức đóng Bảo hiểm y tế tùy theo từng đối tượng và được Quy định Bảo hiểm y tế thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và một số trường hợp được chi phí chuyển</p>				

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì	Cơ quan chủ trì, phối hợp tham mưu ban hành văn bản	Chỉ chữ
		<p><i>tuyên. Tuy nhiên, hiện nay chỉ còn khoản hỗ trợ tiền ăn cho các đối tượng và chi phí tiền đi lại từ nhà đến cơ sở y tế và từ cơ sở y tế về nhà là chưa được Quý Báo hiểm y tế thanh toán.</i></p> <p>- Để tiếp tục bảo đảm thực hiện các chính sách an sinh xã hội, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cần phải lập phương án trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ khám, chữa bệnh đối với một số đối tượng theo thẩm quyền dựa theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước, quy định <i>Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.</i> Do đó, mức hỗ trợ do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách của địa phương. Nguồn kinh phí thực hiện</p>				

<p>STT</p> <p>Tên văn bản</p>	<p>Lý do bãi bỏ</p>	<p>Cơ quan quan hệ xuất</p>	<p>Cơ quan chủ trì, phối hợp tham mưu ban hành văn bản</p>	<p>Cơ quan chủ trì</p>	<p>Cơ quan phối hợp</p>	<p>Cấp gửi</p>
<p>7</p>	<p>Quyết định số 16/2009/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số giải pháp về thuế nhằm thực hiện chủ trương kích cầu đầu tư và tiêu dùng, ngăn chặn suy giảm kinh tế, tháo gỡ khó khăn đối với doanh</p>	<p>Bộ Tài chính</p>	<p>Bộ Tài chính</p>			<p>Quyết định số 16/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số giải pháp về thuế nhằm thực hiện chủ trương kích cầu đầu tư và tiêu dùng, ngăn chặn suy giảm kinh tế, tháo gỡ khó khăn đối với doanh nghiệp do Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ ban hành.</p> <p>Bộ Tài chính đã có ý kiến “đưa ra khởi đầu thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ</p>
<p>chế độ hỗ trợ do ngân sách địa phương tự bảo đảm.</p> <p><i>Từ những lý do trên, đại diện Ủy ban Dân tộc đề nghị không bãi bỏ 02 Quyết định này.</i></p>	<p>Điều 1, Điều 2 Quyết định số 16/2009/QĐ-TTg quy định rõ thời gian áp dụng của các chính sách là hết năm 2009. Cụ thể:</p> <p>Điều 1. Giảm 50% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng từ ngày 01 tháng 02 năm 2009 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2009 đối với hàng hoá, dịch vụ sau đây:</p> <p>....</p> <p>Điều 2. Gia hạn nộp thuế trong thời gian 9 tháng đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2009 tính trên thu nhập từ các hoạt động sau:</p> <p>Nội dung Quyết định đã quy định rõ thời hạn áp dụng chính sách là năm 2009. Do vậy, việc bãi bỏ Quyết định này không tạo khoảng trống pháp lý và không ảnh hưởng đến số thu ngân</p>					

STT	Tên vấn đề	Lý do bất bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
	nghịệp	sách nhà nước.				<p>Quyết định số 16/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số giải pháp về thuế nhằm thực hiện chủ trương kích cầu đầu tư và tiêu dùng, ngăn chặn suy giảm kinh tế, tháo gỡ khó khăn đối với doanh nghiệp do đã được công bố hết hiệu lực toàn bộ tại Quyết định số 2812/QĐ-BTC ngày 31/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính đến hết ngày</p>

<p>STTT Tên văn bản</p>	<p>Lý do bãi bỏ</p>	<p>Cơ quan đề xuất</p>	<p>Cơ quan chủ trì</p>	<p>Cơ quan phối hợp</p>	<p>Ngày gửi</p>
<p>8</p>	<p>Quyết định số 12/2010/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế năm 2010</p>	<p>Bộ Tài chính</p>	<p>Bộ Tài chính</p>		<p>31/12/2013". Do đó, Bộ Tư pháp không đưa văn bản này vào đề xuất Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ trong năm 2023.</p>
	<p>Điều 1 và Điều 3 Quyết định số 12/2010/QĐ-TTg quy định rõ việc gia hạn nộp thuế áp dụng với số thuế TNĐN phải nộp của năm 2010 và thời gian áp dụng của các chính sách chậm nhất đến ngày 30/6/2011. Cụ thể:</p> <p>Điều 1. Gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 3 tháng, kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế đối với:</p> <ol style="list-style-type: none"> Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2010 của doanh nghiệp nhỏ và vừa. ... Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2010 từ hoạt động sản xuất, gia công dệt, may, da, giấy, dệt của doanh nghiệp. <p>Điều 3. Thời gian gia hạn nộp thuế thu nhập</p>				<p>Quyết định số 12/2010/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế năm 2010 do Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ ban hành.</p> <p>Bộ Tài chính đã có ý kiến "Đề nghị đưa ra khỏi dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính</p>

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì	Cơ quan chủ trì, phối hợp tham mưu ban hành văn bản	Ghi chú
		<p>doanh nghiệp như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đối với số thuế tính tạm nộp của quý I năm 2010 được gia hạn nộp thuế chậm nhất đến ngày 30 tháng 7 năm 2010. Đối với số thuế tính tạm nộp của quý II năm 2010 được gia hạn nộp thuế chậm nhất đến ngày 30 tháng 10 năm 2010. Đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp tính tạm nộp của quý III năm 2010 được gia hạn nộp thuế chậm nhất đến ngày 31 tháng 01 năm 2011. Đối với số thuế tính tạm nộp của quý IV năm 2010 được gia hạn nộp thuế chậm nhất đến ngày 30 tháng 4 năm 2011. Đối với số thuế phải nộp theo quyết toán năm 2010 được gia hạn nộp thuế chậm nhất đến ngày 30 tháng 6 năm 2011. <p>Nội dung Quyết định đã quy định rõ thời hạn áp dụng chính sách chậm nhất đến 30/6/2011. Do vậy, việc bãi bỏ Quyết định này không tạo khoảng trống pháp lý và không ảnh hưởng đến số thu ngân sách nhà nước.</p>				<p>phủ bãi bỏ Quyết định số 12/2010/QĐ-TTg ngày 21/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế năm 2010 do đã được công bố hết hiệu lực toàn bộ tại Quyết định số 2812/QĐ-BTC ngày 31/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính đến hết ngày</p>

SFTT Ban văn bản	Lý do ban hành	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì, phối hợp tham mưu ban hành văn bản	Cấp gửi
9	Quyết định 21/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm tháo gỡ khó khăn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế năm 2011	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính	Quyết định số 21/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm tháo gỡ khó khăn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế năm 2011 do Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ ban hành.
	Điều 1, Điều 3 Quyết định số 21/2011/QĐ-TTg quy định rõ việc gia hạn nộp thuế áp dụng với số thuế TNDN phải nộp của năm 2011 và thời gian áp dụng của các chính sách chậm nhất đến ngày 31/3/2013. Cụ thể: Điều 1. Đối tượng và thời gian gia hạn nộp thuế TNDN 1. Gia hạn nộp thuế trong thời gian 01 năm, kể từ ngày đến thời hạn nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế đối với số thuế TNDN phải nộp năm 2011 của doanh nghiệp nhỏ và vừa. Điều 3. Thời gian gia hạn nộp thuế 1. Thời gian gia hạn nộp thuế đối với số thuế tính tạm nộp của quý I năm 2011 không quá ngày 30 tháng 4 năm 2012.			31/12/2013". Do đó, Bộ Tư pháp không đưa văn bản này vào đề xuất Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ trong năm 2023.
				Quyết định đã có ý kiến "Đề nghị đưa ra khỏi dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì, phối hợp tham mưu ban hành văn bản	Ghi chú		
				<table border="1"> <tr> <td data-bbox="363 636 485 837">Cơ quan chủ trì</td> <td data-bbox="363 456 485 636">Cơ quan phối hợp</td> </tr> </table>	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp						
		<p>2. Thời gian gia hạn nộp thuế đối với số thuế tạm nộp của quý II năm 2011 không quá ngày 30 tháng 7 năm 2012.</p> <p>3. Thời gian gia hạn nộp thuế đối với số thuế tính tạm nộp của quý III năm 2011 không quá ngày 30 tháng 10 năm 2012.</p> <p>4. Thời gian gia hạn nộp thuế đối với số thuế tính tạm nộp của quý IV năm 2011 và số thuế phải nộp theo Quyết toán thuế của năm 2011 không quá ngày 31 tháng 3 năm 2013.</p> <p>Nội dung Quyết định đã quy định rõ thời hạn áp dụng chính sách chậm nhất đến 31/3/2013. Do vậy, việc bãi bỏ Quyết định này không tạo khoảng trống pháp lý và không ảnh hưởng đến số thu ngân sách nhà nước.</p>			<p>Phủ bãi bỏ Quyết định số 21/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm tháo gỡ khó khăn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế năm 2011 do đã được công bố hết hiệu lực toàn bộ tại Quyết định số 2812/QĐ-BTC ngày 31/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính đến hết ngày</p>		

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan thẩm tra, phối hợp thẩm mưu báo hành văn bản	Cơ quan phối hợp	Chức vụ
-10	Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam	Khoản 7 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg quy định “Giá mua điện tại khoản 1 Điều này được áp dụng cho một phần hoặc toàn bộ nhà máy điện gió nổi lưới có ngày vận hành thương mại trước ngày 01 tháng 11 năm 2021 và được áp dụng 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại”. Nhu vậy, trên thực tế các dự án điện gió có ngày vận hành thương mại sau ngày 30/10/2021 đã không còn áp dụng giá bán điện này. Các Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg, Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg không quy định thời hạn hết hiệu lực của Quyết định, nhưng giá bán điện của các dự án điện gió tại các Quyết định này chỉ áp dụng cho các dự án gió vận hành thương mại trước ngày 01/11/2021 và không áp dụng cho các dự án điện gió vào vận hành	Bộ Công Thương	Bộ Công Thương	- Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường	Việc bãi bỏ Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg và Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg sẽ tạo ra khoảng trống về pháp lý. Bởi vì, Khoản 7 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg quy định “Giá mua điện tại khoản 1 Điều này được áp dụng cho một phần hoặc toàn bộ nhà máy điện gió nổi lưới có ngày vận hành thương mại trước ngày 01 tháng 11 năm 2021 và được áp dụng 20 năm kể từ ngày
						31/12/2013”. Do đó, Bộ Tư pháp không đưa văn bản này vào đề xuất Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ trong năm 2023.

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì Cơ quan phối hợp	Cơ quan chủ trì, phối hợp tham mưu ban hành văn bản	Chỉ chủ
		<p>thương mại sau ngày 31/10/2021.</p> <p>Trong bối cảnh hiện nay, giá điện gió trên thế giới có xu hướng ngày càng giảm, qui mô điện gió ngày càng mở rộng, chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong cơ cấu nguồn điện quốc gia, thị trường công nghệ, thiết bị điện gió, điện mặt trời đã trở nên cạnh tranh hơn, việc xem xét, chuyển dịch sang chính sách phát triển theo hướng tiệm cận thị trường là phù hợp với xu hướng phát triển trên thế giới.</p> <p>Do đó, việc duy trì tiếp tục các chính sách hỗ trợ phát triển các dự án điện gió không còn phù hợp.</p> <p>Đề nghị bãi bỏ vì không còn sử dụng và đối với các dự án mới sẽ áp dụng quy định tại Luật Điện lực, Luật Giá và Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Điện lực về “quyền tự quyết định giá mua, bán điện trong khung giá phát điện” đối với giá bán điện của bên bán điện và bên mua điện (trong trường hợp này là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) trong khung giá phát điện do Bộ Công Thương phê duyệt.</p>				<p>vận hành thương mại.</p> <p>Do đó, đề nghị Bộ Công Thương tiếp tục rà soát, nghiên cứu, đánh giá quá trình thực hiện 02 Quyết định này. Trường hợp 02 văn bản này cần bãi bỏ, đề nghị Bộ Công Thương rà soát và đánh giá tổng thể quá trình thực hiện văn bản để có đề xuất xử lý văn bản theo quy trình ban hành văn bản thông thường quy định tại Luật Ban hành văn bản QPPL.</p>

SITT Văn bản	Lý do ban hành	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì, phối hợp tham mưu ban hành văn bản	Cơ quan phối hợp	Quyết định số 54/2011/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011 của doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong một số ngành nhằm tháo gỡ khó khăn, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh
11 Quyết định số 54/2011/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011 của doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong một số ngành nhằm tháo gỡ khó khăn, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh	Điều 1, Điều 3 Quyết định số 54/2011/QĐ-TTg quy định rõ việc gia hạn nộp thuế áp dụng với số thuế TNDN phải nộp của năm 2011 thời gian áp dụng của các chính sách chậm nhất đến ngày 31/3/2013. Cụ thể: Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng 1. Gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011 trong thời gian một (01) năm, kể từ ngày đến thời hạn nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế của doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động, hợp tác xã có thu nhập từ hoạt động sản xuất, gia công, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử và hoạt động thi công, xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kinh tế - xã hội. Điều 3. Thời gian gia hạn nộp thuế 1. Thời gian gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Quyết định này như sau: a) Thời gian gia hạn nộp thuế đối với số thuế tính tạm nộp của quý I năm 2011 chậm nhất đến	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính		Quyết định số 54/2011/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011 của doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong một số ngành nhằm tháo gỡ khó khăn, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh do Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ ban hành. Bộ Tài chính đã có ý kiến "Đề nghị đưa ra khởi dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ Quyết định số 54/2011/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì, phối hợp tham mưu ban hành văn bản	Ghi chú
				<div data-bbox="376 640 456 842">Cơ quan chủ trì</div> <div data-bbox="376 461 456 640">Cơ quan phối hợp</div>	
		<p>ngày 30 tháng 4 năm 2012.</p> <p>b) Thời gian gia hạn nộp thuế đối với số thuế tính tạm nộp của quý II năm 2011 chậm nhất đến ngày 30 tháng 7 năm 2012.</p> <p>c) Thời gian gia hạn nộp thuế đối với số thuế tính tạm nộp của quý III năm 2011 chậm nhất đến ngày 30 tháng 10 năm 2012.</p> <p>d) Thời gian gia hạn nộp thuế đối với số thuế tính tạm nộp của quý IV năm 2011 và số thuế phải nộp theo quyết toán năm 2011 không quá ngày 31 tháng 3 năm 2013.</p> <p>Nội dung Quyết định đã quy định rõ thời hạn áp dụng chính sách chậm nhất đến 31/3/2013. Do vậy, việc bãi bỏ Quyết định này không tạo khoảng trống pháp lý và không ảnh hưởng đến số thu NSNN.</p>			<p>2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011 của doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong một số ngành nhằm tháo gỡ khó khăn, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh do đã được công bố hết hiệu lực toàn bộ tại Quyết định số 2812/QĐ-BTC ngày 31/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính đến hết ngày 31/12/2013.". Do đó, Bộ</p>

ST/TT Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan thẩm tra, phối hợp tham mưu ban hành văn bản	Chức vụ
12	Quyết định số 04/2012/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc gia hạn nộp thuế thêm 03 tháng đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp quý I, quý II năm 2011 của doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính	Quyết định số 04/2012/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc gia hạn nộp thuế thêm 03 tháng đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp quý I, quý II năm 2011 của doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động do Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ ban hành.
	Điều 1, Điều 2 Quyết định số 04/2012/QĐ-TTg quy định rõ việc gia hạn nộp thuế áp dụng với số thuế TNNDN phải nộp của năm 2011 và thời gian áp dụng của các chính sách chậm nhất đến ngày 30/10/2012. Cụ thể: Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng Gia hạn nộp thuế thêm 03 tháng đối với số thuế TNNDN phải nộp của quý I, quý II năm 2011 của doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động đã được gia hạn nộp thuế theo các Quyết định: số 21/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2011 và số 54/2011/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Điều 2. Thời gian gia hạn nộp thuế 1. Thời gian gia hạn nộp thuế TNNDN quy định tại Điều 1 Quyết định này thực hiện như			Tư pháp không đưa văn bản này vào đề xuất Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ trong năm 2023.
				Bộ Tài chính đã có ý kiến “Đề nghị đưa ra khỏi dự thảo Quyết định

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì, phối hợp tham mưu ban hành văn bản	Ghi chú
	động	<p>sau:</p> <p>a) Thời gian gia hạn nộp thuế đối với số thuế TNDN tính tạm nộp của quý I năm 2011 chậm nhất đến ngày 30 tháng 7 năm 2012.</p> <p>b) Thời gian gia hạn nộp thuế đối với số thuế TNDN tính tạm nộp của quý II năm 2011 chậm nhất đến ngày 30 tháng 10 năm 2012.</p> <p>Nội dung Quyết định đã quy định rõ thời hạn áp dụng chính sách chậm nhất đến 30/10/2012. Do vậy, việc bãi bỏ Quyết định này không tạo khoảng trống pháp lý và không ảnh hưởng đến số thu NSNN.</p>		<p>Cơ quan chủ trì</p> <p>Cơ quan phối hợp</p>	<p>của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ Quyết định số 04/2012/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc gia hạn nộp thuế thêm 03 tháng đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp quý I, quý II năm 2011 của doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động do đã được công bố hết hiệu lực toàn bộ tại Quyết định số 2812/QĐ-BTC ngày 31/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc</p>

SE11 - Kon Tum ban	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì phối hợp thành viên Ban hành văn bản	Cơ quan chủ trì phối hợp	Tình vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính đến hết ngày 31/12/2013.". Do đó, Bộ Tư pháp không đưa văn bản này vào đề xuất Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ trong năm 2023.
13 Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 (Chương trình hỗ trợ hộ	<p>- Căn cứ pháp lý ban hành các Quyết định này (Luật Nhà ở năm 2005) đã hết hiệu lực thi hành.</p> <p>- Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 33/2019/QĐ-TTg) được ban hành với mục tiêu thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo khu vực nông thôn đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, từng bước nâng cao mức sống, góp phần xóa đói, giảm nghèo bền vững. Việc tổ chức thực hiện Chương trình từ năm 2015 đến năm 2020.</p> <p>Việc thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 đã kết thúc tại thời điểm hết ngày</p>	Bộ Xây dựng	Bộ Xây dựng	<p>- Bộ Lao động - Thương binh và xã hội</p> <p>- Bộ Tài chính</p> <p>- Bộ Kế hoạch và Đầu tư</p> <p>- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</p>	<p>Ý kiến của Ngân hàng Nhà nước (Công văn số 6979/NHNN-PC ngày 07/9/2023):</p> <p>Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét chưa bãi bỏ Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 (số thứ tự 22) và Quyết định số 33/2019/QĐ-TTg ngày 14/11/2019 (số thứ tự 32) tại Điều 1 dự thảo Quyết định.</p>

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì, phối hợp tham mưu, ban hành văn bản	Chi chú
	<p>tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29 tháng 06 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển dự án điện gió tại Việt Nam</p>	<p>được áp dụng 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại”</p> <p>Như vậy, trên thực tế các dự án điện gió có ngày vận hành thương mại sau ngày 30/10/2021 đã không còn áp dụng giá bán điện này.</p> <p>Các Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg, Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg không quy định thời hạn hết hiệu lực của Quyết định, nhưng giá bán điện của các dự án điện gió tại các Quyết định này chỉ áp dụng cho các dự án gió vận hành thương mại trước ngày 01/11/2021 và không áp dụng cho các dự án điện gió vào vận hành thương mại sau ngày 31/10/2021.</p> <p>Trong bối cảnh hiện nay, giá điện gió trên thế giới có xu hướng ngày càng giảm, qui mô điện gió ngày càng mở rộng, chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong cơ cấu nguồn điện quốc gia, thị trường công nghệ, thiết bị điện gió, điện mặt trời đã trở nên cạnh tranh hơn, việc xem xét, chuyển dịch sang chính sách phát triển theo hướng tiệm cận thị trường là phù hợp với xu hướng phát triển trên thế giới.</p>		<p>Cơ quan chủ trì, phối hợp bản</p> <p>Cơ quan chủ trì</p>	<p>lý. Bởi vì, Khoản 7 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg quy định “Giá mua điện tại khoản 1 Điều này được áp dụng cho một phần hoặc toàn bộ nhà máy điện gió nói trên có ngày vận hành thương mại trước ngày 01 tháng 11 năm 2021 và được áp dụng 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại”. Do đó, đề nghị Bộ Công Thương tiếp tục rà soát, nghiên cứu, đánh giá quá trình thực hiện 02 Quyết định này. Trường hợp 02 văn bản này cần bãi bỏ, đề nghị Bộ Công Thương rà soát và đánh giá tổng thể quá trình</p>

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì, phối hợp tham mưu ban hành văn bản	Cơ quan phối hợp	Cơ quan
15	Quyết định số 33/2019/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số	<p>Do đó, việc duy trì tiếp tục các chính sách hỗ trợ phát triển các dự án điện gió không còn phù hợp.</p> <p>Đề nghị bãi bỏ vì không còn sử dụng và đối với các dự án mới sẽ áp dụng quy định tại Luật Điện lực, Luật Giá và Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Điện lực về “quyền tự quyết định giá mua, bán điện trong khung giá phát điện” đối với giá bán điện của bên bán điện và bên mua điện (trong trường hợp này là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) trong khung giá phát điện do Bộ Công Thương phê duyệt.</p>	Bộ Xây dựng	Bộ Xây dựng	Bộ Lao động Thương binh và xã hội Bộ Tài chính Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Ý kiến của Ngân hàng Nhà nước (Công văn số 6979/NHNN-PC ngày 07/9/2023): Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét chưa bãi bỏ Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 (số thứ tự 22) và Quyết định số

STT	Tên văn bản	Lý do/bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì phối hợp tham mưu ban hành văn bản	Chi chú
				<div data-bbox="375 638 470 828">Cơ quan chủ trì</div> <div data-bbox="375 448 470 638">Cơ quan phối hợp</div>	
	<p>33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo giai đoạn 2011-2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2).</p>	<p>2015 đến năm 2020.</p> <p>Việc thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 đã kết thúc tại thời điểm hết ngày 31/12/2020.</p> <p>- Hiện nay, Bộ Xây dựng đã trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo khu vực nông thôn giai đoạn 2021-2025.</p> <p>Do vậy, đến nay Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg, Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg không còn đối tượng điều chỉnh, nội dung vẫn bản cứng không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đã có văn bản quy phạm pháp luật khác điều chỉnh. Căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 143 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Xây dựng đề xuất bãi bỏ toàn bộ đối với các Quyết định này.</p>			<p>33/2019/QĐ-TTg ngày 14/11/2019 (số thứ tự 32) tại Điều 1 dự thảo Quyết định.</p> <p>Lý do: Theo báo cáo của Ngân hàng Chính sách xã hội, chương trình cho vay hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 và Quyết định số 33/2019/QĐ-TTg 14/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg (02) Quyết định này do Bộ Xây dựng là cơ quan chủ trì trình Thủ tướng Chính phủ ban hành, Ngân hàng Chính sách</p>

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ	Cơ quan đề xuất	Cơ quan chủ trì, phối hợp tham mưu ban hành văn bản	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Chi phí
							<p>xã hội triển khai thực hiện cho vay các đối tượng thụ hưởng) còn dư nợ và hiện vẫn đang thực hiện theo dõi, thu nợ. Đến ngày 31/7/2023, dư nợ chương trình đạt 3.309 tỷ đồng với 168.532 khách hàng còn dư nợ. Việc bãi bỏ 02 Quyết định trên sẽ dẫn đến việc theo dõi, thu hồi và xử lý nợ của chương trình không có đầy đủ quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>Do đó, Bộ Tư pháp không đưa 02 văn bản này vào đề xuất Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ trong năm 2023.</p>

M

